

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2021/HN-ST

Ngày: 25/11/2021

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiên Ngọc Minh;

2. Ông Thạch Thanh Long;

-Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số: 247/2020/TLST-HN, ngày 24 tháng 7 năm 2020. Về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2021/QĐXXST-HN ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Chanh N, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt –Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Thạch Sa P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt –Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh N trình bày: Do quen biết, chị với anh Thạch Sa P được gia đình hai bên đồng ý cho tổ chức đám cưới vào năm 2002. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 18/02/2002. Đến cuối năm 2002 thì giữa chị với anh Thạch Sa P bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì thời gian này, chị đang mang thai nhưng anh Sa P bỏ mặt, không quan tâm chăm sóc. Ngoài ra, chị còn phát hiện anh Sa P dẫn người con gái khác về nhà nhiều lần,

chị cố gắng khuyên ngăn để giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh Sa P vẫn không thay đổi. Vì không chịu nổi cảnh thường xuyên bị anh Sa P bỏ mặt nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân từ cuối năm 2002 cho đến nay. Về con chung: có một người tên: Thạch Thị Chanh N, sinh ngày 25/01/2003, nay đã trưởng thành. Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung. Về nợ chung: không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng tôi.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hàn gắn không hạnh phúc nên chị Chanh N yêu cầu được ly hôn với anh Sa P. Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Thạch Sa P trình bày: Anh với chị Chanh N kết hôn do quen biết được sự đồng ý của hai bên gia đình nên anh chị đi đến hôn nhân vào đầu năm 2002, Hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Từ đó, chị Chanh N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã ly thân nhau cho đến nay. Nay, anh không còn tình cảm gì với chị Chanh N, hàn gắn không hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Chanh N. Về con chung: Do con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Mau trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Chanh N;
Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Chanh N và anh Thạch Sa P được ly hôn;
Về con chung: có một người tên Thạch Thị Chanh N, sinh ngày 25/01/2003, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét; Về án phí: đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không nộp hoặc miễn nộp.

Tại phiên tòa hôm nay chị Thạch Thị Chanh N là nguyên đơn, anh Thạch Sa P là bị đơn; tất cả vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh N, bị đơn anh Thạch Sa P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Thạch Thị Chanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thạch Sa P. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Thạch Thị Chanh N và anh Thạch Sa P có nơi cư trú tại ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[4]. Chị Thạch Thị Chanh N và anh Thạch Sa P đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào 18/02/2002 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị Thạch Thị Chanh N và anh Thạch Sa P là hôn nhân hợp pháp.

[5]. *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn:* Theo chị Thạch Thị Chanh N cho rằng, vợ chồng không có quan tâm với nhau nên chị bỏ về nhà cha, mẹ ruột và sống ly thân nhau từ cuối năm 2002 cho đến nay; Anh Sa P thì cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau tính tình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay, chị Chanh N và anh Sa P đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn; điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân

giữa chị Chanh N và anh Sa P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Chanh N và anh Sa P phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Thạch Thị Chanh N và anh Thạch Sa P được ly hôn.

[6]. *Về con chung*: có một người tên Thạch Thị Chanh N, sinh ngày 25/01/2003, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7]. *Về tài sản chung*; *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Chanh N và anh Sa P xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. *Về án phí*: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Chanh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do chị Chanh N là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí. Nghĩ nên miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Chanh N. Anh Sa P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 227; 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Chanh N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Thạch Thị Chanh N và anh Thạch Sa P được ly hôn.

- *Về con chung*: Có một người tên: Thạch Thị Chanh N, sinh ngày 25/01/2003, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*; *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Thạch Thị Chanh N và anh Thạch Sa P xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Số tiền 300.000 đồng. Miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm cho chị Thạch Thị Chanh N. Hoàn trả lại cho chị Thạch Thị

Chanh N số tiền 300.000 đồng theo theo biên lai thu tiền số 0000281, ngày 21/7/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Anh Thạch Sa P không phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

2. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Huỳnh Sa Rên